



Số/No.: 488/TIPHARCO

Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022
Tien Giang, June 27th, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Ha Noi Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco/*Tipharco Pharmaceutical JSC*

Mã chứng khoán/Securities Code: DTG

Người thực hiện công bố thông tin/Submitted by: Bà (Ms.) Trần Thị Kiều Tiên

Chức vụ/Position: Thành viên Hội đồng Quản trị/*Member of the Board of Directors*

Địa chỉ/Address: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam/*Lot 08, 09, Tan My Chanh Small Industrial and Handicraft Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province, Vietnam.*

Điện thoại/Telephone: 0273.3872973 - 0913728988 Fax: 0273.3885040

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Information disclosure type: 24 hours Requested Irregular Periodic

Nội dung công bố thông tin/Content of Information disclosure:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) công bố thông tin các nội dung sau:

- Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-DTG ngày 27/06/2022 về việc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022;
- Biên bản kiểm phiếu số 05/2022/BBKP-ĐHĐCĐ-DTG ngày 27/06/2022 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022;
- Tờ trình số 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v miễn chào mua công khai;
- Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh;

- Tờ trình số 03/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Tờ trình số 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Tờ trình số 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Tờ trình số 06/2022/TTĐH-BKS-DTG ngày 10/06/2022 của BKS v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Tờ trình số 07/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco; và
- Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company (DTG) announced the following contents:

- Resolution No. 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-DTG dated June 27th, 2022 approved by the AGM through collecting shareholder's written opinions in June 2022;
- Meeting minutes No. 05/2022/BBKP-ĐHĐCĐ-DTG date June 27th, 2022 of voting results of collecting shareholder's written opinions in June 2022;
- Proposal No. 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors regarding exemption from public tender;
- Proposal No. 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors on adjustment of registered business lines;
- Proposal No. 03/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors on the share offering plan to existing shareholders;
- Proposal No. 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors on amendments and supplements of the Charter of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company;
- Proposal No. 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors on promulgating the Regulation on operation of the Board of Directors of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company;
- Proposal No. 06/2022/TTĐH-BKS-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Supervisors on promulgating the Regulation on operation of the Board of Supervisors of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company;
- Proposal No. 07/2022/TTĐH-HĐQT-DTG dated June 10, 2022 of the Board of Directors on promulgating of Regulation on Information Disclosure at Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company;
- The Charter of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company (with amendments and supplements);
- Regulation on the operation of the Board of Directors of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company;
- Regulation on the operation of the Board of Supervisors of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company; and
- Regulation on the information disclosure of Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/06/2022 tại website: <https://tipharco.vn/> mục Quan hệ cổ đông.

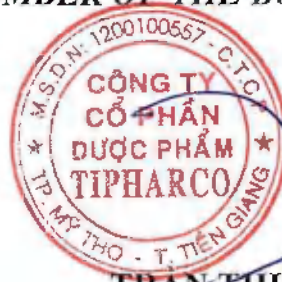
This information has been published on our company's website on 27/06/2022 on website: <https://tipharco.vn/> in Investor Relations section.

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I hereby certify that the information provided is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS**



TRẦN THỊ KIỀU TIÊN





Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

Số: 05/2022/BBKP-DHĐCĐ-DTG

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

V/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 06/2022 để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 51/2022/NQ-HĐQT-DTG ngày 06/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco v/v thông qua việc triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 06/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco v/v thông qua nội dung, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022;
- Căn cứ “Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản” của các cổ đông gửi về Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

A. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (tên gọi tắt: TIPHARCO);
- Địa chỉ: Lô 08, 09 Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1200100557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 12/04/2022.

B. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian: 14 giờ 00 phút ngày 27/06/2022.
- Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco - Lô 08, 09 Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.



C. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU, GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU VÀ TỔ THƯ KÝ:

1. Ban Kiểm phiếu:

- | | | |
|---------------------|---------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Hồ Nam | - Chủ tịch HĐQT | - Trưởng ban |
| - Ông Đặng Việt Anh | - Phó Chủ tịch HĐQT | - Thành viên |
| - Ông Lưu Hoài Nam | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
- kiêm Tổng Giám đốc

2. Giám sát kiểm phiếu:

- | | |
|----------------------|------------------------|
| - Ông Đinh Hoài Châu | - Trưởng Ban kiểm soát |
|----------------------|------------------------|

3. Tổ Thư ký:

- | | |
|------------------------|---|
| - Bà Huỳnh Vũ Khánh Vy | - Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quan hệ Nhà đầu tư |
| - Bà Lê Thị Mỹ Tiên | - Kế toán trưởng |
| - Bà Lâm Minh Tâm | - Thư ký HĐQT |

D. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN:

1. Tờ trình số 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v miễn chào mua công khai.
2. Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh.
3. Tờ trình số 03/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
4. Tờ trình số 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
5. Tờ trình số 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
6. Tờ trình số 06/2022/TTĐH-BKS-DTG ngày 10/06/2022 của BKS v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
7. Tờ trình số 07/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

E. PHƯƠNG THỨC GỬI BIỂU QUYẾT VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM PHIẾU:

I. Phương thức gửi biểu quyết:

Cổ đông gửi “Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản” về trụ sở Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco trước **16 giờ 30 ngày 24/06/2022** theo một trong những cách sau:

- Gửi thư bảo đảm về địa chỉ trụ sở chính (có phong bì gửi kèm):
Tổ Thư ký - Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

Lô 08, 09 Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9,
Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02733.872.973

- Gửi fax đến: 02733.883.740

- Gửi bản scan đến địa chỉ email: ketoantipharco@yahoo.com.vn

2. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- 01 cổ phiếu tương đương 01 quyền biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong những trường hợp sau:
 - Phiếu lấy ý kiến không có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc chữ ký của Người đại diện và đóng dấu của cổ đông là tổ chức;
 - Đánh dấu từ 02 ô trở lên đối với tất cả nội dung biểu quyết;
 - Phiếu gửi về Công ty sau thời hạn quy định;
 - Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu.
- Phiếu được đánh dấu từ 02 ô trở lên tại nội dung biểu quyết thì phần nội dung đó không hợp lệ;
- Biểu quyết tán thành: Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (✓) vào mục “Tán thành” thì được xem là biểu quyết tán thành nội dung lấy ý kiến.
- Biểu quyết không tán thành: Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (✓) vào mục “Không tán thành” thì được xem là biểu quyết không tán thành nội dung lấy ý kiến.
- Không có ý kiến: (i) Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (✓) vào mục “Không có ý kiến”; hoặc (ii) Không đánh dấu vào mục nào tại các nội dung thì được xem là “Không có ý kiến” về nội dung đó.

F. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU:

1. Số lượng phiếu lấy ý kiến:

STT	Diễn giải	Số lượng (phiếu)	Số cổ phần biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty
1	Tổng số Phiếu lấy ý kiến đã được gửi cho cổ đông để lấy ý kiến	334	6.315.928	100
2	Số Phiếu lấy ý kiến đáp trả về Công ty, trong đó:	200	6.150.755	97,38
	Số Phiếu lấy ý kiến hợp lệ	196	6.150.015	97,37
	Số Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ	04	740	0,01
3	Tổng số Phiếu lấy ý kiến không tham gia biểu quyết	134	165.173	2,62
	Trong đó, số Phiếu lấy ý kiến bị hoàn lại (do cổ đông cung cấp sai địa chỉ hoặc cổ đông thay đổi chỗ ở hoặc không có người nhận đến 16 giờ 30 ngày 24/06/2022)	06	11.627	0,18

2. Kết quả thông qua các nội dung lấy ý kiến biểu quyết (tỷ lệ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty):

STT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết Không hợp lệ		Biểu quyết Tán thành		Biểu quyết Không tán thành		Biểu quyết Không có ý kiến	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Tờ trình số 01/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v miễn chào mua công khai	4	0,01	172	89,26	1	0,42	23	7,70
2	Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh	4	0,01	168	89,23	0	0	28	8,14
3	Tờ trình số 03/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	4	0,01	172	89,14	0	0	24	8,23
4	Tờ trình số 04/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco	4	0,01	172	89,27	0	0	24	8,11
5	Tờ trình số 05/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco	4	0,01	173	89,28	0	0	23	8,10
6	Tờ trình số 06/2022/TTĐH-BKS-DTG ngày 10/06/2022 của BKS v/v ban hành Quy chế hoạt	4	0,01	173	89,23	0	0	23	8,14

STT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết Không hợp lệ		Biểu quyết Tán thành		Biểu quyết Không tán thành		Biểu quyết Không có ý kiến	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
	động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco								
7	Tờ trình số 07/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco	4	0,01	174	89,30	0	0	22	8,08

G. KẾT LUẬN:

Căn cứ kết quả tỷ lệ biểu quyết tại các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nêu trên, căn cứ quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông tháng 06/2022 của Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco đã nhất trí thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Tờ trình số 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v miễn chào mua công khai.
Tỷ lệ tán thành: 89,26% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Thông qua Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh.
Tỷ lệ tán thành: 89,23% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
3. Thông qua Tờ trình số 03/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
Tỷ lệ tán thành: 89,14% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
4. Thông qua Tờ trình số 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
Tỷ lệ tán thành: 89,27% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
5. Thông qua Tờ trình số 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
Tỷ lệ tán thành: 89,28% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
6. Thông qua Tờ trình số 06/2022/TTĐH-BKS-DTG ngày 10/06/2022 của BKS v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
Tỷ lệ tán thành: 89,23% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
7. Thông qua Tờ trình số 07/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
Tỷ lệ tán thành: 89,30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.


Biên bản kiểm phiếu được lập kết thúc vào lúc 16 giờ 00 cùng ngày.

Biên bản này là cơ sở pháp lý để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tháng 06/2022 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Chúng tôi, những thành viên trong Ban kiểm phiếu, Giám sát kiểm phiếu, Tổ Thư ký cùng ký tên dưới đây để cam kết về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu nêu trên.

BAN KIỂM PHIẾU

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Việt Anh

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔ THƯ KÝ/TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lưu Hoài Nam

GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

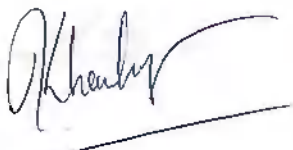
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Đinh Hoài Châu



TỔ THƯ KÝ



Huỳnh Vũ Khánh Vy



Lê Thị Mỹ Tiên



Lâm Minh Tâm



Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

Số: 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-DTG

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

(Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022;
- Căn cứ các Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022 số 05/2022/BB-ĐHĐCĐ-DTG ngày 27/06/2022.



QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Tờ trình số 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v miễn chào mua công khai.
Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,26% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.
- Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh.
Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,23% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.
- Điều 3.** Tờ trình số 03/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,14% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.
- Điều 4.** Tờ trình số 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,27% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 5. Tờ trình số 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,28% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 6. Tờ trình số 06/2022/TTĐH-BKS-DTG ngày 10/06/2022 của BKS v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,23% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 7. Tờ trình số 07/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022 của HĐQT v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 89,30% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 06/2022 có hiệu lực kể từ ngày ký và kèm theo các tài liệu sau:

- Các tờ trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản tháng 06/2022;
- Biên bản kiểm phiếu lấy kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022;
- Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Quy chế hoạt động của BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Điều 9. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong các phiên họp thường niên kế tiếp.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Hồ Nam



Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 01/2022/TTĐH-HĐQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: *Miễn chào mua công khai*

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung chấp thuận cho Công ty cổ phần Bamboo Capital nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty đạt các mức theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Nội dung chi tiết như sau:

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai:

STT	Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng	Số ĐKKD/CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng năm giữ	Số lượng dự kiến chuyển nhượng
1	Hồ Thị Thùy Dung	241253848	30/11/2007	Đắk Lắk	1.327.000 cổ phần	1.327.000 cổ phần

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng không phải thực hiện chào mua công khai:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Bamboo Capital
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0311315789 cấp lần đầu ngày 07/11/2011 (thay đổi lần thứ 25 ngày 05/05/2022)
- Địa chỉ trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 02862680680 Fax: 02862991188



3. Công ty cổ phần Bamboo Capital không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
4. Phương thức giao dịch: nhận chuyển nhượng thông qua khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận trên sàn chứng khoán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam





Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 02/2022/TTĐH-HDQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: **Điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Nhằm tạo điều kiện cho Nhà đầu tư nước ngoài nâng tỷ lệ sở hữu lên mức cao nhất theo luật định mà không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nội dung sau điều chỉnh
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở. (loại trừ: không thực hiện hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng”).
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất. (loại trừ: không thực hiện hoạt động

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nội dung sau điều chỉnh
			phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)
3.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)
4.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. - Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. - Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định



STT	Tên ngành	Mã ngành	Nội dung sau điều chỉnh
			pháp luật tùy từng thời điểm)
6.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Truyền tải điện - Phân phối điện	3512	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Truyền tải điện - Phân phối điện (loại trừ: không thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia)
7.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	Loại bỏ
8.	- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. - Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng - Sản xuất tinh dầu từ thảo dược	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. - Gia công, nhượng quyền trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng. - Sản xuất tinh dầu từ thảo dược. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp thuận việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trên và sửa đổi Điều lệ công ty tương ứng với ngành nghề kinh doanh mới.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và sửa đổi điều lệ công ty tương ứng với ngành nghề kinh doanh mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam





Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 03/2022/TTDH-HĐQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: *Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty*

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty;
- Căn cứ tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ năm 2022, cụ thể như sau:

A. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRƯỚC PHÁT HÀNH

- Tên gọi: Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco
- Mã chứng khoán: DTG
- Địa chỉ: Lô 08, 09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Điện thoại: 0273 3871 817 Fax: 0273 3885 040
- Vốn điều lệ hiện tại: **63.159.280.000 đồng** (Sáu mươi ba tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. **Tên cổ phiếu:** cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco
2. **Mã cổ phiếu giao dịch:** DTG

3. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

5. **Vốn điều lệ dự kiến tại thời điểm phát hành:** 63.159.280.000 đồng, tương ứng 6.315.928 cổ phần

6. **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:** 18.947.784 cổ phần tương ứng bằng 300% số lượng cổ phần dự kiến lưu hành tại thời điểm phát hành

7. **Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá:** 189.477.840.000 đồng

8. **Mục đích phát hành:**

- Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công ty đang sở hữu;
- Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. **Hình thức phát hành:** Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

10. **Đối tượng phát hành:** Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).

11. **Giá chào bán:**

Nguyên tắc xác định giá bán:

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC năm 2021 của Công ty:**

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{117.547.276.104}{6.315.928} = 18.611 \text{ đồng}$$

- **Giá thị trường:** Trong khoảng thời gian từ 12/04/2022 đến 26/05/2022 trên sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu DTG có giá đóng cửa bình quân là 27.570 đồng/30 phiên giao dịch (số liệu tại website: www.hnx.vn)

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh nghiệp: “*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:*

1. *Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;*
 2. *Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;*
- ...”

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề nghị là: **10.000 đồng/cổ phiếu.**

12. Tổng số vốn huy động theo giá bán dự kiến: 189.477.840.000 đồng.

13. Thặng dư cổ phần: 0 đồng.

14. Tỷ lệ thực hiện quyền: Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:3 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua sẽ được mua thêm 03 cổ phiếu mới phát hành thêm).

15. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất (bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT.

16. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

17. Phương thức phân phối: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

18. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến Quý III, Quý IV năm 2022 sau khi được UBCKNN chấp thuận, Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thị trường.

19. Phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ, số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có):

- + Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ: Do phát hành tỷ lệ 1:3 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.
- + Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm) với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu được phát hành, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.

20. Hạn chế chuyển nhượng:

- + Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- + Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- + Số cổ phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có) được tự do chuyển nhượng theo quy định tại khoản 4 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

21. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 189.477.840.000 đồng sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

- Đầu tư, sửa chữa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty: Dự kiến 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty cổ phần Dược Tesla (mã số doanh nghiệp 0317308153) để mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm của Công ty: Dự kiến 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Bổ sung vốn lưu động (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác,...): Dự kiến 139.477.840.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời ĐHĐCĐ cho phép HĐQT có thể điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.

22. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

23. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến phát hành:

Trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS.
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu.
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

a. Về pha loãng EPS và giá trị sổ sách:

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

- i. Thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu – EPS

		Lợi nhuận sau thuế TNDN
+ Công thức tính :	EPS (cơ bản) =	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân
+ Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân =	$(X*12+Y*t)/12$	
<p>X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi bán</p> <p>Y: Số lượng cổ phiếu chào bán thêm</p> <p>t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số lượng cổ phiếu chào bán thêm</p>		

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

ii. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu:

Công thức tính :
$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

b. Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

c. Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm:

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tính toán. Theo đó, công thức tính toán như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_r)}{1 + I}$$

Trong đó :

- + P_{tc} : giá tham chiếu của cổ phiếu DTG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn.
- + PR_{t-1} : giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- + I : tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu.
- + P_r : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

24. Ủy quyền và lưu ký đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán:

a. Ủy quyền:

Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Triển khai chi tiết phương án phát hành;
- Chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan có liên quan;
- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán để đảm bảo đợt chào bán thành công, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, tình hình thực tế tại Công ty đảm bảo đúng quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.
- Thực hiện thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Chủ động điều chỉnh phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không đăng ký mua, không nộp tiền mua theo tình hình thực tế và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b. Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu chào bán

- Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm ngay sau khi hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ.
- Đại hội đồng cổ đông cam kết đưa số cổ phiếu của đợt tăng vốn vào lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi đợt chào bán kết thúc.



- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục liên quan đến việc lưu ký và niêm yết của số cổ phiếu phát hành thêm trong đợt tăng vốn này.

C. NỘI DUNG KHÁC

Tờ trình này thay thế cho nội dung tại mục A và các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Tờ trình ngày 09/03/2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 29-NQ/DHĐĐ ngày 31/03/2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
TIPHARCO
M.S.D.N. 1111111111
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG



Nguyễn Hồ Nam

1 4 0



Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 04/2022/TTĐH-HĐQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: *Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco với nội dung như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở Điều lệ hiện hành, các điều khoản tham chiếu giữa các điều trong bản Điều lệ mới sẽ được thay đổi theo đúng chương, điều, khoản đã sửa đổi lại, phù hợp với kết cấu và nội dung theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
1	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty – Khoản 1		

	1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là	1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là (Phụ lục ngành nghề kinh doanh đính kèm)	- Để phù hợp với Giấy xác nhận v/v thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang. - Để phù hợp với Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HDQT-DTG ngày 10/06/2022 nếu được ĐHĐCĐ thông qua.
2	Điều 27. Quyền hạn và Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị - Khoản 2		
	Chưa quy định.	Bổ sung: 1) Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung để phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi, bổ sung:

- Các điều khoản còn lại được giữ nguyên, không thay đổi.
- Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam

PHỤ LỤC CẬP NHẬT NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

(Đính kèm Tờ trình số 02/2022/TTĐH-HĐQT-DTG ngày 10/06/2022)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê</p> <p>Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở.</p> <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng”).</p>	6810
2	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh</p>	5210
3	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm</p>	7490
4	<p>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh</p> <p>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm.</p>	2023
5	<p>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất các loại sirô giải khát.- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng.	1104
6	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất.</p> <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	4669
7	<p>Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.</p>	1101
8	<p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.</p> <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	4772
9	<p>Bán buôn đồ uống</p> <p>Chi tiết:</p>	4633

	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. - Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	
10	<p>Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thuốc các loại. - Sản xuất hóa dược và dược liệu. - Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc. 	2100 (Chính)
11	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	4649
12	<p>Sản xuất điện</p> <p>Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.</p>	3511
13	<p>Truyền tải và phân phối điện</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền tải điện - Phân phối điện <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia).</p>	3512
14	<p>Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng</p> <p>Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế</p>	3250
15	<p>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.</p>	8620
16	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. - Gia công, nhượng quyền trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. 	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

0567
 G TY
 HÃN
 PHÃ
 RC
 TIẾ

<ul style="list-style-type: none">- Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng.- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	
--	--





Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 05/2022/TTĐH-HĐQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm theo Tờ trình này được soạn thảo phù hợp Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: HĐQT, P. HTKD.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồ Nam



Số: 06/2022/TTĐH-BKS-DTG

Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG).

Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này nêu rõ về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát, lợi ích, chế độ báo cáo, cơ chế làm việc... của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: HĐQT, BKS; HTKD.



Đinh Hoài Châu



Tiền Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2022

Số: 07/2022/TTĐH-HDQT-DTG

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin tại
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/03/2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

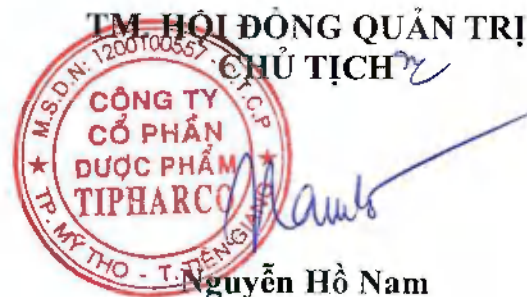
Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này nêu rõ hướng dẫn việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco tham gia thị trường giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: HĐQT, BKS, P. HTKD.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	34
Điều 36. Thư ký Công ty.....	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	35
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	35
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40

Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 49. Năm tài chính	41
Điều 50. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	41
Điều 51. Báo cáo tài chính	41
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 53. Kiểm toán	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 55. Giải thể công ty	42
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 57. Thanh lý.....	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 59. Điều lệ này.....	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 60. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHCD-DTG ngày 27 tháng 06 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company**

- Tên Công ty viết tắt: **TIPHARCO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 08, 09 Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

- Điện thoại: 0273.3871817 - 3872972

- Fax: 0273.3883740

- E-mail: tipharco@vnn.vn

- Website: www.tipharco.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Công ty có thể thành lập địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở. (loại trừ: không thực hiện hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng”).	6810
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh	5210
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm	7490
4	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm.	2023
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất các loại sirô giải khát. - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng.	1104
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)	4669
7	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.	1101
8	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)	4772

9	<p>Bán buôn đồ uống</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. - Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)</p>	4633
10	<p>Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thuốc các loại. - Sản xuất hóa dược và dược liệu. - Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc. 	2100 (Chính)
11	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)</p>	4649
12	<p>Sản xuất điện</p> <p>Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.</p>	3511
13	<p>Truyền tải và phân phối điện</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền tải điện - Phân phối điện <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia)</p>	3512
14	<p>Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng</p> <p>Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế</p>	3250
15	<p>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.</p>	8620

16	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. - Gia công, nhượng quyền trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng. - Sản xuất tinh dầu từ thảo dược. <p>(loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).</p>	Ngành, nghề chưa chờp khóp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
----	---	--

Ghi chú: Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt mục tiêu tối đa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 63.159.280.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ một trăm năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.315.928 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 (Số cũ: 5303000050) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn

vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì đề cử số ứng cử viên còn lại thực hiện theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thành lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo quy định cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 cá nhân hoặc tổ chức khác, từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 05 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường

họp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong

trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đến đăng ký dự họp trong ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm

nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
- t) Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phân quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- c) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- d) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- f) Tham dự các cuộc họp;
- g) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chi đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề

cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; khi xét thấy cần thiết đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của

mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn

vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ này

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco nhất trí thông qua ngày 27 tháng 06 năm 2022 tại Tiền Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Hồ Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Tiền Giang, tháng 06 năm 2022





Số: 65/2022/QĐ-HDQT-DTG

Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/06/2022.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định trước đây trái với Quyết định này.
- Điều 3.** Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP. HDQT, P. HTKD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồ Nam

NỘI DUNG

Chương I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II	3
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Chương III	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	11
Chương IV	11
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Chương V	13
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 19. Thú lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	14
Chương VI	15
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành	15
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	15
Chương VII	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 24. Hiệu lực thi hành	16



Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2022/QĐ-HĐQT-DTG ngày 27/06/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định hoặc quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tối thiểu có 3 thành viên. Công ty có thể bổ sung thêm số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động nhưng số lượng nhiều nhất không quá 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

- c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
6. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không vượt quá 05 (năm) công ty;
 - d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ

trường hợp bất khả kháng;

- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền đôn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng

quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (Khi HĐQT thành lập Ủy ban kiểm toán), Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được

miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ Công ty quy định: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp (các văn bản, tờ trình cần trình đại hội đồng cổ đông thông qua);
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập một số tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị về chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- d. Theo yêu cầu của Kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình kinh doanh của Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy

quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là

quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco bao gồm 07 chương, 24 điều và có và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 




Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TIPHARCO

Tiền Giang, tháng 06 năm 2022



Số: 01/2022/QĐ-BKS-DTG

Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco**

BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/06/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.**
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định trước

đây trái với Quy chế này.

Điều 3. Các Ông/Bà Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT;
- Lưu: BKS, P. HTKD.



Đình Hoài Châu

Contents

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO.....	2
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO.....	2
Chương I.....	5
QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	5
Chương II.....	5
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	5
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	7
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Chương III.....	9
BAN KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	9
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	11
Chương IV.....	12
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
Chương V.....	12
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI.....	14
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Chương VII.....	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	14



Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-BKS ngày 27/06/2022
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật (Điều 169, 170, 171, 173 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 286, 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), Điều lệ công ty (Điều 37 Điều lệ Công ty), nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và

sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty không được ít hơn [03 thành viên] và nhiều hơn [05 thành viên], nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh

ng nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Bao gồm các quyền sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là chủ tọa cuộc họp, chỉ định người làm thư ký ghi biên bản cuộc họp;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Chi tiết quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát sẽ được thực hiện theo quy định tại Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử của Công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trù trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát, các tài liệu kèm theo phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- Thành viên Ban kiểm soát được thành toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này

không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco bao gồm [07 chương], [22 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
TIPHARCO

M.S.D.N: 12001000
TP. MY THO - TIỀN GIANG

Đinh Hoài Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Tiền Giang, tháng 06 năm 2022



Số: 66/2022/QĐ-HĐQT-DTG

Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

*V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin tại
Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco (TIPHARCO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/06/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-DTG ngày 27/06/2022.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.**
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định trước đây trái với Quyết định này.
- Điều 3.** Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP. HĐQT, P. HTKD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam

NỘI DUNG

Chương I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt.....	4
Điều 3. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin.....	6
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	6
Điều 6. Tài liệu công bố thông tin.....	6
Điều 7. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố.....	6
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
Điều 9. Bảo quản, lưu giữ thông tin công bố.....	7
Chương II.....	7
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH,.....	7
TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU,.....	7
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	7
Điều 10. Công bố thông tin của tổ chức đăng ký giao dịch.....	7
Điều 11. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn.....	9
Điều 12. Công bố thông tin của Doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM.....	9
Điều 13. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp.....	10
Điều 14. Công bố thông tin của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	10
Chương V.....	10
Điều 15. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.....	10
Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.....	11
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	11
Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	12
Chương VI.....	13
Điều 19. Thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	13
Chương VII.....	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 20. Hiệu lực thi hành.....	13



Tiền Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2022/QĐ-HĐQT-DTG ngày 27/06/2022
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco tham gia thị trường giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh). Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc phát hành và giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ thực hiện theo Quy chế riêng.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân sau:
 - a) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán;
 - b) Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 96/2020/TT-BTC), trong Quy chế này, các thuật ngữ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thành viên Ban kiểm toán nội bộ theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán là thành viên Ủy ban kiểm toán, trong đó Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp.
2. Nhóm người/nhóm nhà đầu tư có liên quan: là các cá nhân, tổ chức có liên quan với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
3. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan bao gồm các tổ chức nước ngoài là người có liên quan có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (Thông tư số 51/2021/TT-BTC).

4. Hệ thống giao dịch UPCoM: là hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành.
5. Hệ thống công bố thông tin điện tử tại Sở Giao dịch Chứng khoán: là hệ thống được Sở Giao dịch Chứng khoán sử dụng để tiếp nhận báo cáo, thông tin công bố của các đối tượng công bố thông tin.

Điều 3. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn sau:

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng khi thực hiện công bố thông tin không phải thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Đối với các thông tin công bố gửi đến Sở Giao dịch Chứng khoán, các đối tượng thực hiện theo hướng dẫn sau:
 - a) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này, trừ thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt, thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nơi chứng khoán đang niêm yết, đăng ký giao dịch;
 - b) Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Chương III của Quy chế này đồng thời thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nơi chứng khoán đang niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định tại Chương II của Quy chế này.
3. Hoạt động công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Sở Giao dịch Chứng khoán từ chối tiếp nhận thông tin công bố và không công bố thông tin trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các thông tin công bố sai mẫu, không rõ ràng, hoặc nếu phát hiện là thông tin thiếu chính xác, giả mạo, thông tin không liên quan tới hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc thông tin không thuộc phạm vi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.
4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin công bố nội dung thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.
5. Các đối tượng thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin công bố, chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Sở Giao dịch Chứng khoán chỉ là nơi để các đối tượng thực hiện công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

Điều 4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.
2. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo. Khuyến khích các đối tượng thực hiện thêm công bố thông tin bằng tiếng Anh.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
2. Người thực hiện công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 51/2021/TT-BTC.
3. Tổ chức, cá nhân được ủy quyền công bố thông tin từ các nhà đầu tư cá nhân, thực hiện gửi Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin trong lần công bố thông tin đầu tiên và thông báo chấm dứt việc ủy quyền trong lần công bố thông tin cuối cùng.

Điều 6. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:
 - a) Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
 - b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
 - Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.
2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố dưới dạng: văn bản, dữ liệu điện tử đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

 - a) Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
 - b) Trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán nơi tiếp nhận thông tin công bố có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định tại Sở Giao dịch Chứng khoán đó.

Điều 7. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố

1. Phương tiện công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
2. Cách thức gửi thông tin công bố:
 - a) Trường hợp đã đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 7

Thông tư số 96/2020/TT-BTC và theo hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để Sở Giao dịch Chứng khoán hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

b) Trường hợp chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử:

Tổ chức chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử và cá nhân gửi thông tin công bố đồng thời dưới hình thức văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin kèm theo tệp tin dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

Việc tạm hoãn công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 9. Bảo quản, lưu giữ thông tin công bố

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin công bố theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM

Điều 10. Công bố thông tin của tổ chức đăng ký giao dịch

I. Công bố thông tin định kỳ

Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Công bố thông tin bất thường

Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

a) Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này và gửi kèm bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo Phụ lục III tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời

hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực.

Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC:

- Tổ chức đăng ký giao dịch liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
 - Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, tổ chức đăng ký giao dịch ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, tổ chức đăng ký giao dịch ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.
 - Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, tổ chức đăng ký giao dịch báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.
- b) Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.
- c) Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại điểm e hoặc điểm h khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này.
- d) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế này.
- đ) Đối với các thông tin công bố bất thường khác, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

4. Công bố thông tin về các hoạt động khác

Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

- a) Tổ chức đăng ký giao dịch công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

- b) Tổ chức đăng ký giao dịch công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
- c) Tổ chức đăng ký giao dịch công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 11. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công bố thông tin định kỳ

Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Công bố thông tin bất thường

Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

4. Công bố thông tin về các hoạt động khác

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và khoản 4 Điều 10 Quy chế này.

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn được xác định theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn sau:

- a) Trong vòng 01 năm kể từ ngày tổ chức đăng ký giao dịch không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, tổ chức đăng ký giao dịch tiếp tục thực hiện công bố thông tin như tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.
- b) Trong vòng năm (05) ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức đăng ký giao dịch gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 12. Công bố thông tin của Doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM

Doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 13. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp đồng thời là tổ chức đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Điều 10 Quy chế này.
3. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp đồng thời là tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Điều 11 Quy chế này.
4. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 11 Điều 4, khoản 1 Điều 7, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 15. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

1. Nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan khi bắt đầu hoặc không còn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng niêm yết hoặc khi thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ của quỹ đóng niêm yết qua các ngưỡng 1%: Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 2,8% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X, nhà đầu tư B là người có liên quan của nhà đầu tư A theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này sở hữu 2% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Tiếp sau đó, nhà đầu tư A mua cổ phiếu tại ngày T', nhà đầu tư A đặt lệnh mua 0,5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X.

Giao dịch tại ngày T' đã làm tỷ lệ sở hữu của nhóm người có liên quan (nhà đầu tư A và nhà đầu tư B) trở thành cổ đông lớn, do vậy, nhà đầu tư A phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo Phụ lục số VII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp này, nhóm cổ đông A và B; nhà đầu tư B không phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

2. Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng niêm yết (không bao gồm nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong nhóm theo Phụ lục số VII và Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Thông tin về nhà đầu tư là thông tin đối với từng nhà đầu tư thực hiện giao dịch.
3. Ngoài nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp trong nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có một hoặc nhiều nhà đầu tư là cổ đông lớn thì từng cổ đông lớn trong nhóm phải thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục số VII và Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC căn cứ trên số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà từng nhà đầu tư nắm giữ.

Ví dụ: Nhà đầu tư nước ngoài A sở hữu 4,8% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X, đồng thời nhà đầu tư nước ngoài A thuộc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu 5,8% cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Tiếp sau đó, nhà đầu tư A mua cổ phiếu tại ngày T', nhà đầu tư A đặt lệnh mua 0,3% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Giao dịch tại ngày T' đã làm tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư A trở thành cổ đông lớn, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan giao dịch vượt ngưỡng 1%. Do vậy, nhà đầu tư A phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng niêm yết, quỹ đại chúng niêm yết, tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở (ngoại trừ doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM nhưng chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng) và người có liên quan của các đối tượng này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

1. Giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 33

Thông tư số 96/2020/TT-BTC: là tổng giá trị giao dịch dự kiến tính theo mệnh giá trong từng tháng dương lịch (tính từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng dương lịch dự kiến giao dịch).

2. Đối với trường hợp người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, đồng thời phát sinh giao dịch dẫn đến trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc là cổ đông lớn khi phát sinh thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
3. Trường hợp người nội bộ và người có liên quan không là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC nhưng đồng thời phát sinh giao dịch dẫn đến trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc là cổ đông lớn khi phát sinh thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
4. Trong trường hợp công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không đáp ứng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin sẽ thực hiện điều chỉnh thời gian dự kiến giao dịch tại thông báo giao dịch chứng khoán cho phù hợp với quy định hiện hành.

Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện giao dịch theo đúng khối lượng đã đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin và giao dịch trong khoảng thời gian Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đã công bố trên trang thông tin điện tử và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại Chương II Mục 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Mục 2 Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (Thông tư số 118/2020/TT-BTC) và Điều 35 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, cụ thể như sau:

1. Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch là công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đầu tư mục tiêu, thực hiện công bố thông tin về việc bị chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 86 và Điều 87 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
2. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng thực hiện công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 89, khoản 1 Điều 93 và khoản 2 Điều 95 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Bản thông báo chào mua công khai thực hiện theo Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.
3. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai công bố thông tin điều chỉnh giá chào mua công khai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 155/2020/NĐ-

CP.

4. Tổ chức, cá nhân chào mua rút lại đề nghị chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 92 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua công khai theo quy định tại Điều 94 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
6. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai công bố thông tin về kết quả chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và thực hiện báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin về kết quả đợt chào mua công khai theo mẫu tại Phụ lục số 33 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm công bố thông tin của từng trường hợp cụ thể và căn cứ vào các quy định, quy chế nghiệp vụ có liên quan, Tổng Giám đốc Công ty quyết định hình thức xử lý vi phạm của cá nhân liên quan.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco bao gồm 07 chương, 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 06 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam

DANH MỤC PHỤ LỤC, MẪU BIỂU
(LIST OF CONTENTS)

Số phụ lục, mẫu biểu <i>Ref No.</i>	Tên phụ lục, mẫu biểu <i>Name of form</i>
Phụ lục I <i>Appendix I</i>	Thông báo thay đổi nhân sự <i>Change in personnel</i>
Phụ lục II <i>Appendix II</i>	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ <i>Change in related persons of insiders</i>
Phụ lục III <i>Appendix III</i>	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động <i>Change in certificate of business registration/License of establishment and operation/License of operation</i>
Phụ lục IV <i>Appendix IV</i>	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính <i>Announcement of (change in) corporate structure and financial statements</i>
Phụ lục V <i>Appendix V</i>	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Change in number of shares with voting rights</i>
Phụ lục VI <i>Appendix VI</i>	Công bố thông tin bất thường <i>Extraordinary information disclosure</i>
Phụ lục VII <i>Appendix VII</i>	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn <i>Announcement of termination of information disclosure as a large-cap public company</i>
Phụ lục VIII <i>Appendix VIII</i>	Công bố thông tin mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF <i>Disclosure of information tracking error of the ETF</i>
Phụ lục IX <i>Appendix IX</i>	Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một lô chứng chỉ quỹ ETF <i>Basket of component securities and cash to exchange for one lot of ETF</i>

Phụ lục I
Appendix I

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Công ty... (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty... (tên tổ chức) như sau:

Based on Board Resolution No. ... dated... and/or General Mandate No. ... dated ... of ... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ... (name of organization) as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position:
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position:
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày.../.../... tại đường dẫn.../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link...

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ
về việc thay đổi nhân sự;
Board Resolution and/or General Mandate

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT

on the change in personnel.

- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II
- Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)

List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

Phụ lục II
Appendix II

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Người nội bộ/Insider

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ hiện tại/Current position:

2. Người có liên quan/Related person:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Địa chỉ liên lạc/Address:
- Điện thoại/Tel.:
- E-mail:
- Số ID, ngày cấp/ ID number, Date of issue:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/đại diện sở hữu/ Shareholding (shares):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

Phụ lục III
Appendix III

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

No.: .../...

..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy
phép hoạt động số ... ngày .../.../....., do (cơ quan)... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc
thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép
hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

*Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /
License of Operation No. ... dated .../.../..... issued by ..., we would like to announce the change
in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of
Operation as follows:*

- Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi/*Information before change:*

2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change:*

3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any):*

4. Ngày có hiệu lực/*Effective date:*

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt
động/Giấy phép hoạt động/Receipt date of new certificate of business registration/license of
establishment and operation/license of operation:

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../.....
tại đường dẫn .../*This information was published on the company's website on .../.../... (date), as
in the link*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY
VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE
AND FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty ... (tên tổ chức) xin
thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

*Based on point a, clause 1 Article 10 of Circular No.96/2020/TT-BTC, we would like to make
the announcement of registration (change in) corporate structure and financial statements as
follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed information/Information
before change:**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable
option only):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- Có công ty con/Having affiliates
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo
quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed
(tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

- BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated Financial statements
- BCTC tổng hợp/Combined financial statements
- BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

**II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)/
Information after change (Applicable to change of corporate structure and financial statements
only)**

I. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable
option only):*

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc /*Having no affiliates or sub-units*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*
- Có công ty con/*Having affiliates*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo
quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed
(tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated financial statements*
- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information
provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached
documents:**

Tài liệu liên quan đến việc
thay đổi thông tin đã đăng ký.
*Documents on the changes in
the registered information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/ Person authorized to disclose
information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...

No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization:

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:

- Địa chỉ/Address:

- Điện thoại liên hệ/Tel.:

Fax:

- E-mail:

- Website:

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VND) Charter capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết Number of shares with voting rights				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) Others (if any)				

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan
- *Securities Registration Certificate on the change/Other related documents*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/*Stock code/ Broker code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

.....
.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân
đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed
information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../.....
tại đường dẫn .../*This information was published on the company's website on .../.../..... (date),
as in the link*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the
information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached
documents:**

Tài liệu liên quan đến nội
dung thông tin công bố/
*Documents on disclosed
information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
*Legal representative/ Person authorized to disclose
information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*Signature, full name, position, and seal*)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...

No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN
ANNOUNCEMENT OF TERMINATION OF INFORMATION DISCLOSURE AS A
LARGE-CAP PUBLIC COMPANY

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Thông tin về tổ chức/*Organization particulars:*

- Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

- Website:

2. Ngày trở thành tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Date of becoming a large-cap public company: From .../.../...

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Date of no longer being a large-cap public company: From .../.../...

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Termination date of information disclosure as a large-cap public company: From .../.../...

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

Phụ lục VIII
Appendix VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN MỨC SAI LỆCH SO VỚI CHỈ SỐ THAM CHIẾU CỦA QUỸ
ETF

(Định kỳ hàng tuần)

KỲ BÁO CÁO: Tuần từ ... đến ...

DISCLOSURE OF INFORMATION TRACKING ERROR OF THE ETF

(Weekly report)

Week: from ... to ...

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Fund Management company:*

- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:*

- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:*

- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:*

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address:*

- Điện thoại/ *Tel.:*

Fax:

- Ngày lập báo cáo:

Chúng tôi trân trọng công bố mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu Tracking Error - TE (gọi tắt là mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF) như sau/ *We disclose the tracking error of the ETF as follow:*

Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF/	Chỉ số tham chiếu của quỹ ETF/	Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu/
<i>NAV</i>	<i>Underlying index</i>	<i>Tracking error</i>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*Signature, full name, position, and seal*)

Phụ lục IX
Appendix IX

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Fund Management company:*

- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:*

- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:*

- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:*

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address:*

- Điện thoại/ *Tel.:* Fax:

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:*

- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: ... chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 lot of ETF = ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Security symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I. Chứng khoán/ Stock			
II. Tiền/ Cash			

Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/
Basket value:

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/
Value per lot of ETF:

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/
Spread in value (if any):

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)

Plan to reduce the spread (if any):

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

State if component securities shall have corporate action (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations (if any):*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

